

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2023/DS-ST
Ngày: 11/9/2023
“V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Bà Đặng Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trương Hữu Bình;
- Bà Nguyễn Thị Thu Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 120/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2023 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2023/QĐST-DS ngày 24/8/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1960; địa chỉ: Tổ 10, ấp CT, xã TA, huyện DT, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tấn N, sinh năm 1983; địa chỉ: 191/12 đường 13/3, khu phố A, thị trấn DT, huyện DT, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 06/4/2023, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà L trình bày:*

Do quen biết nên ngày 02/5/2022 bà L có cho ông N vay số tiền là 73.000.000 đồng và 3,5 chỉ vàng 9999. Ông N có làm giấy vay mượn do chính ông

N viết và ký tên. Ông N hẹn thời gian là 07 tháng (từ ngày 2/5/2022 đến ngày 02/12/2022 sẽ trả hết cho bà L. Tuy nhiên đến nay ông N vẫn chưa thanh toán cho bà L nên bà L khởi kiện.

Nay bà L yêu cầu ông N thanh toán số tiền là 73.000.000 đồng và 3,5 chỉ vàng 9999 trị giá khoảng 19.250.000 đồng. Bà L không yêu cầu tính lãi suất.

Ngoài ra bà L không có ý kiến nào khác.

** Trong quá trình tố tụng để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng và các tài liệu, chứng cứ theo quy định pháp luật để báo cho ông Nguyễn Tấn N biết và thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nhưng ông N vẫn vắng mặt không có lý do.*

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý và giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vi phạm quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ, sau khi nghe lời trình bày của các đương sự Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Ngọc L khởi kiện ông Nguyễn Tấn N yêu cầu thanh toán số tiền số tiền là 73.000.000 đồng và 3,5 chỉ vàng 9999 theo 02 giấy mượn nợ ngày 05/02/2022. Do đó, quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông N có nơi cư trú tại khu phố A, thị trấn DT, huyện DT, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông N được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông N.

[2] Nội dung vụ án: ngày 02/5/2022 bà L có cho ông N vay số tiền là 73.000.000 đồng và 3,5 chỉ vàng 9999. Ông N có làm giấy vay mượn do chính ông N viết và ký tên. Ông N hẹn thời gian là 07 tháng (từ ngày 2/5/2022 đến ngày

02/12/2022 sẽ trả hết cho bà L. Tuy nhiên đến nay ông N vẫn chưa thanh toán cho bà L nên bà L khởi kiện. Nay bà L yêu cầu ông N thanh toán số tiền là 73.000.000 đồng và 3,5 chỉ vàng 9999 trị giá khoảng 19.250.000 đồng. Bà L không yêu cầu tính lãi suất

[3] Hội đồng xét xử xét thấy: Theo 02 giấy mượn nợ ngày 02/5/2022 thể hiện ông N mượn của bà L số tiền 73.000.000 đồng và 3,5 chỉ vàng, thời hạn từ ngày 02/5/2022 đến ngày 02/12/2022 sẽ hoàn trả. Do đó, đây là hợp đồng vay tài sản có thời hạn, không thỏa thuận lãi suất.

02 giấy mượn nợ ngày 02/5/2022 do bà L cung cấp là bản chính. Tòa án đã tiến hành tổng đạt cho ông N 02 giấy mượn nợ mà bà L cung cấp cũng như các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông N không có ý kiến gì, không tham gia giải quyết tại tòa. Điều này cho thấy ông N cố tình né tránh, không trả nợ cho bà L. Theo 02 giấy mượn nợ ngày 02/5/2022 thì thời hạn thanh toán là ngày 02/12/2022. Nhưng đến hạn ông N không thanh toán là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó bà L yêu cầu ông N thanh toán số tiền 73.000.000 đồng và 3,5 chỉ vàng 9999 là có cơ sở chấp nhận.

Theo biên bản xác minh ngày 11/9/2023 thì giá vàng tại thời điểm xét xử là 5.470.000 đồng/chỉ. Nên 3,5 chỉ vàng 9999 trị giá 19.145.000 đồng.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[5] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của bà Nguyễn Thị Ngọc L đối với ông Nguyễn Tấn N.

Buộc ông Nguyễn Tấn N có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị Ngọc L số tiền 92.145.000 đồng (chín mươi hai triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông N không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng ông N còn phải chịu

tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Tấn N phải chịu 4.607.250 đồng (bốn triệu sáu trăm lẻ bảy nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Thùy Linh